

Vấn đề đánh dấu thanh tiếng Việt

Dũng Vũ

Từ ngày sinh hoạt viết tiếng Việt bằng máy tính trở nên phổ biến, có một câu hỏi thường được đặt ra là phải đánh dấu thanh thế nào mới đúng. Câu hỏi này đã trở thành một vấn đề đáng quan tâm. Nhìn vào những văn bản tiếng Việt trên internet, báo chí, sách vở trong mấy năm trở lại đây, hẳn ai cũng nhận thấy cách đánh dấu thanh không còn thống nhất. Cũng cùng một chữ mà có nhiều kiểu đánh dấu thanh khác nhau: *hóa/ hoá, loại/loại, Thúy/Thúy, quả/quả, củ/củ*, v.v.

Đối với công nghệ thông tin, tính thiếu thống nhất bao giờ cũng là một vấn đề lớn. Chính người Việt cũng mắc phải sai lầm và không phải lần đầu. Thiếu thống nhất về phong chữ Việt trong quá khứ là một bài học điển hình. Sự góp mặt của quá nhiều loại phong (VNI, VNU, TCVN, VPS, ThinArt, Vietware, ...) đã sản sinh ra vô số khó khăn cho công việc biên tập, lưu trữ, tìm kiếm thông tin.

Thiếu thống nhất về cách đánh dấu thanh trong tiếng Việt cũng dẫn đến hậu quả tương tự. Vấn đề càng nan giải khi dung lượng dữ liệu ngày càng trở nên khổng lồ. Đến lúc đó để mà đưa tất cả vào vòng trật tự, chắc chắn không phải là một việc dễ dàng. Mặt khác, hãy nhìn xa hơn nữa, khi Việt Nam cũng có nhu cầu dùng tin học để tự động hóa việc xử lý văn bản tiếng Việt như các xứ tiên tiến đã làm, chắc chắn các nhà khoa học Việt Nam sẽ gặp khó khăn, mà ngay bước đầu là tiến hành xây dựng một bảng dữ liệu từ vựng chuẩn cho tiếng Việt.

Đừng nói đến công nghệ thông tin cho cao xa, ngay việc dạy học sinh tiểu học tập viết bình thường cũng đã là một vấn đề. Giả sử có một học sinh hoặc phụ huynh nào thắc mắc, tại sao phải bỏ dấu ở chỗ đó mà không ở chỗ khác, chắc chắn không có một giáo viên nào có thể giải thích được.

Vì sao có sự thiếu thống nhất về cách đánh dấu thanh trong tiếng Việt? Trừ trường hợp không có quy tắc, một điều không thể xảy ra, câu trả lời chỉ có thể là:

1. Hoặc vì không nắm vững một quy tắc duy nhất đã có từ lâu.
2. Hoặc vì hôm nay có nhiều quy tắc khác nhau và mỗi người chuộng một quy tắc riêng.

Muốn giải quyết vấn đề, đối với trường hợp 1 không khó, chỉ cần làm rõ quy tắc có sẵn một lần nữa và người sử dụng nên nắm vững. Trường hợp 2 mới khó. Một quy tắc được cải cách hẳn phải có lý do. Đây là trường hợp cần được thảo luận.

Để hiểu rõ vấn đề, trước hết chúng ta thử tìm hiểu sơ về đặc điểm ngữ âm, cấu trúc âm tiết tiếng Việt được ghi lại bằng chữ Quốc ngữ và thanh điệu của nó.

Đặc điểm ngữ âm của tiếng Việt

Tiếng Việt là một *ngôn ngữ đơn âm tiết (monosyllabic language)*. Mỗi âm tiết trong lời nói được phát âm thành một *tiếng* hoàn chỉnh và có thể ghi lại bằng một *chữ*. Câu "Ta nói tiếng Việt" được phát âm thành từng tiếng một: [Ta] [nói] [tiếng] [Việt]. Bốn tiếng này được ghi lại bằng bốn chữ: "Ta", "nói", "tiếng", "Việt".

Khác tiếng Việt, mỗi từ đơn của loại *ngôn ngữ đa âm tiết (polysyllabic language)* (Anh, Đức, Pháp, v.v.) có thể chứa nhiều âm tiết. Câu tiếng Đức "Wir sprechen Vietnamesisch" ("Ta nói tiếng Việt") sẽ được phát âm thành: [Wir] [spre] [chen] [Vi] [iet] [na] [me] [sisch].

Trong khi người Đức phát âm một từ đơn tiếng Đức như "sprechen" thành hai tiếng [spre] và [chen], thì người Việt chỉ có thể phát âm một từ đơn tiếng Việt thành một tiếng, như "nói" là [nói], chứ không cắt rời thành hai âm tiết riêng biệt [no] và [i], hoặc "Việt" là [Việt], chứ không cắt rời thành hai tiếng theo kiểu phát âm chậm của người Đức: [Vi]-[iệt].

Đó là nét khác biệt căn bản của ngôn ngữ đơn âm tiết so với ngôn ngữ đa âm tiết.

Cấu trúc âm tiết tiếng Việt được ghi lại bằng chữ Quốc ngữ

Mỗi *chữ* trong tiếng Việt có khả năng biểu thị ba thành phần của âm tiết: phụ âm, nguyên âm và thanh điệu. Cấu trúc một chữ ghi lại âm tiết tiếng Việt có dạng chung:

	Thanh điệu (prosody)	
Đoạn phụ âm đầu (pre-consonant phrase)	Đoạn nguyên âm (vocal phrase)	Đoạn phụ âm cuối (post-consonant phrase)

Mỗi đoạn phụ âm (đầu/cuối) có thể chứa một tổ hợp phụ âm ("ng", "nh", ...), hoặc chỉ có một phụ âm ("n", "g", "t", "h", ...), hoặc một tổ hợp gồm phụ âm và nguyên âm ("qu", "gi"). Mỗi đoạn nguyên âm có thể chứa một tổ hợp nguyên âm ("uyê", "ươ", ...) hoặc chỉ có một nguyên âm ("u", "y", "ê", "ư", "ơ", ...).

Tổng cộng có 4 trường hợp thực tế:

1. Âm tiết chỉ có đoạn nguyên âm
2. Âm tiết chỉ có đoạn phụ âm đầu + đoạn nguyên âm
3. Âm tiết chỉ có đoạn nguyên âm + đoạn phụ âm cuối

4. Âm tiết có đủ 3 đoạn: đoạn phụ âm đầu + đoạn nguyên âm + đoạn phụ âm cuối

	Trường hợp	Đoạn phụ âm đầu	Đoạn nguyên âm	Đoạn phụ âm cuối
1	Âm tiết chỉ có đoạn nguyên âm. V.d.: "a", "ai"		a ai	
2	Âm tiết chỉ có đoạn phụ âm đầu và đoạn nguyên âm. V.d.: "ta", "mai"	t m	a ai	
3	Âm tiết chỉ có đoạn nguyên âm và đoạn phụ âm cuối. V.d.: "anh", "em"		a e	nh m
4	Âm tiết có đủ 3 đoạn. V.d.: "Thăng", "Long"	th l	ă o	ng ng

Loại âm tiết đơn giản nhất chỉ có nguyên âm. Một âm tiết có thể thiếu phụ âm nhưng không thể thiếu nguyên âm bởi đó là hạt nhân của âm tiết. Một âm tiết có thể không có đoạn phụ âm đầu nhưng nhiều khi không thể thiếu đoạn phụ âm cuối cũng như thanh điệu. Ngược lại, có trường hợp không được chứa đoạn phụ âm cuối. Xem thử một phân tích một chuỗi âm tiết bằng phương pháp tính lược. Ví dụ một câu mẫu:

- Tiếng Việt là một ngôn ngữ đơn âm tiết.

Lược bỏ mọi *đoạn phụ âm cuối* trong câu, ta có:

- Tiếng Việt là một ngôn ngữ đơn âm tiết

"Tiê", "Việ", "à" là các trường hợp không phát âm được đối với người Việt. Đó không phải là âm tiết. Ngược lại, lược bỏ mọi *đoạn phụ âm đầu* thì mọi tiếng đều phát âm được:

- iêng iệt à ột ôn ữ ơn âm iết

Lược bỏ hết mọi *đoạn phụ âm đầu* và *đoạn phụ âm cuối* trong câu mẫu, ta có:

- iế iệ à ộ ô ữ ơ â iế

"iê", "iệ", "â" là các trường hợp người Việt không chấp nhận vì mất *đoạn phụ âm cuối* ("ng", "t", "n", "m").

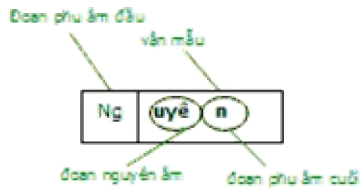
Mặt khác, lược bỏ hết dấu thanh trong "iêng iệt à ột ôn ữ ơn âm iết", ta có:

- iêng iệt a ột ôn ư ơn âm iết

Đối với người Việt, "iêt", "ôt" không phát âm được do mất dấu nặng. Đó không phải là âm tiết. "Ôt" không phải là âm tiết nhưng bỏ "t" đi thì lại thành âm tiết "ô".

Kết quả phân tích cho thấy, so với đoạn phụ âm đầu, thì đoạn phụ âm cuối và thanh

điệu gắn bó với âm tiết nhiều hơn và nhiều khi không thể thiếu hoặc thừa. Hãy gọi: đoạn nguyên âm + đoạn phụ âm cuối là *vận mẫu*. Ví dụ: "Nguyên"



Thanh điệu trong tiếng Việt

Tiếng Việt cũng là một *ngôn ngữ thanh điệu (tone-language)*. Nguyên thủy có 8 thanh điệu bao gồm 2 yếu tố: *âm vực* và *âm điệu*. Âm vực có 2 mức độ: *phù* (cao) và *trâm* (thấp). Âm điệu được chia thành *bằng* và *trắc*. Bằng là *bình*. Trắc gồm *thượng*, *khứ*, *nhập*. Nhân 2 âm vực với 4 âm điệu, ta được 8 trường hợp. Xin mượn một ví dụ của Cao Xuân Hạo (1998:82) "an", "ản", "án", "àn", "ãn", "ạn", "át", "ạt":

	Bằng		Trắc		
	Bình	Thượng	Khứ	Nhập	
Phù	an	ản	án	àn	át
Trâm	àn	ãn	ạn	ạt	

Ví dụ trên cho thấy thanh điệu còn lệ thuộc vào đoạn phụ âm cuối ("n", "t") (như đã thấy qua phân tích bằng phép tính lược bên trên). Hai loại thanh trắc khứ/nhập kết hợp với phù/trâm cho ra 4 trường hợp: *phù-khứ* ("án"), *phù-nhập* ("át"), *trâm-khứ* ("ãn"), *trâm-nhập* ("ạt").

Đó âm hệ của tiếng Việt.

Từ khi dùng chữ Quốc ngữ làm chữ viết, người Việt có thể diễn tả thanh điệu một tiếng bằng một ký tự nhất định. Tuy vậy, cũng chỉ được 6 thay vì 8, nghĩa là mất 2. Hai thanh *phù-khứ*, *phù-trâm* nhập lại thành một, hai thanh *trâm-khứ*, *trâm-nhập* cũng nhập lại thành một. Vị chi chỉ còn 2 thay vì 4.

Trong chữ Quốc ngữ, sáu thanh điệu được biểu thị bằng các dấu: sắc (´), hỏi (?), huyền (`), ngã (-), nặng (.) và không dấu dành cho thanh ngang (phù-bình).

Đặt vấn đề

Đã hiểu các đặc điểm ngữ âm, cấu trúc âm tiết ghi bằng chữ, thanh điệu tiếng Việt, nay chúng ta hãy tự hỏi và suy ngẫm:

1. Mục đích đánh dấu thanh trong tiếng Việt xưa nay là gì?

Câu hỏi này không khó trả lời. Bởi vì như đã biết, tiếng Việt là một ngôn ngữ thanh điệu; từ khi dùng chữ Quốc ngữ, người Việt có thể ghi chú thanh điệu một tiếng bằng một ký tự nhất định. Quy tắc đánh dấu thanh chữ viết tiếng Việt xưa nay chỉ thuần quy ước, được đưa ra chỉ nhằm một mục đích duy nhất là ghi chú một âm tiết có thanh điệu gì, ngoài ra không ghi chú thêm gì khác.

Trong quá khứ, ít nhất là trước năm 1975, đã có một quy tắc đánh dấu thanh nhất định và đã được sử dụng tuyệt đối nhất quán. Điều này có thể kiểm chứng qua tất cả các văn bản (báo chí, sách vở, tài liệu, từ điển^[1]) đã được phát hành thời ấy, ít ra là ở miền Nam. Quy tắc ấy ra sao, sẽ nói sau.

2. Khi xưa ta viết "hóa", nay có đề nghị viết "hoá", khi xưa ta viết "háo", nay vẫn viết "háo" mà không viết "haó". Tại sao các nhà ngôn ngữ học Việt Nam lại đề nghị như thế? Điển hình là đề nghị của Vũ Xuân Lương, Hoàng Phê^[2] Đoàn Xuân Kiên^[3], đại ý là: "Với những âm tiết kết thúc bằng oa, oe, uy, *dấu thanh được đặt vào con chữ nguyên âm chót*. V.d. hoạ, hoè, huỷ, loà xoà, loé, suý, thuỷ" (xin xem quy tắc 4 của Vũ Xuân Lương cuối bài).

Trong khi Vũ Xuân Lương và Hoàng Phê không đưa ra một kết quả phân tích ngữ âm nào, thì Đoàn Xuân Kiên đã cố gắng dùng lý thuyết ngữ âm học để giải thích. Thế nhưng cách giải thích của Đoàn Xuân Kiên không đúng bài bản chung mà giới ngôn ngữ học thường dùng. Sẽ xin được phép chứng minh bên dưới.

Khảo sát thanh điệu trong ngữ âm học thanh học

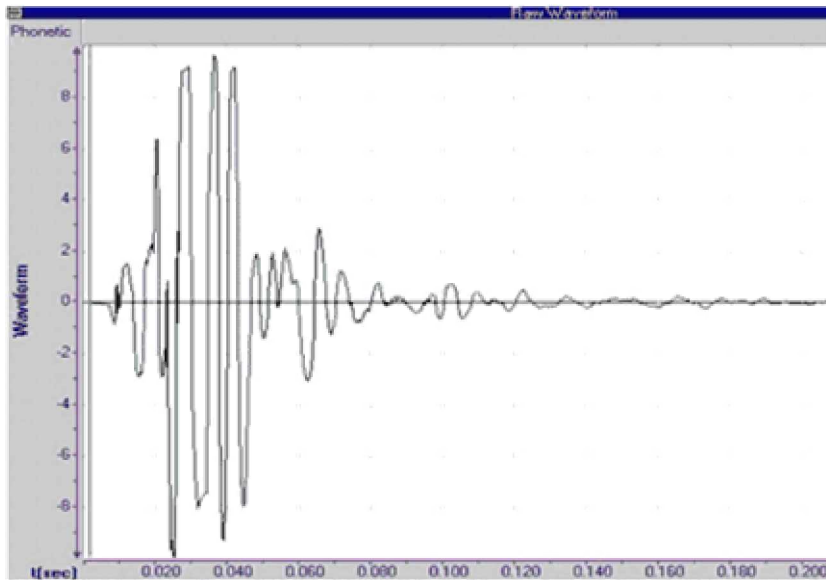
Có nhiều câu hỏi được đặt ra. Thanh điệu xuất hiện ở đâu trong âm tiết? Nó là son phần hay là một phần tử nội tại của âm tiết?

Muốn giải đáp các câu hỏi trên, chúng ta phải nhờ đến ngữ âm học thanh học (acoustic phonetics). Lĩnh vực này cho phép khảo sát nhiều yếu tố trong âm tiết, song chúng ta chỉ tập trung vào cái cần tìm hiểu là thanh điệu. Để làm công việc này cho dễ dàng, chúng ta sẽ dùng một phụ phẩm (software) phân tích âm Speech Analyzer, v.d. CECIL (Computerized Extraction of Components of Intonation in Language) của SIL International^[4].

Trước hết hãy tìm hiểu sơ qua cách khảo sát tiếng/âm về mặt vật lý.

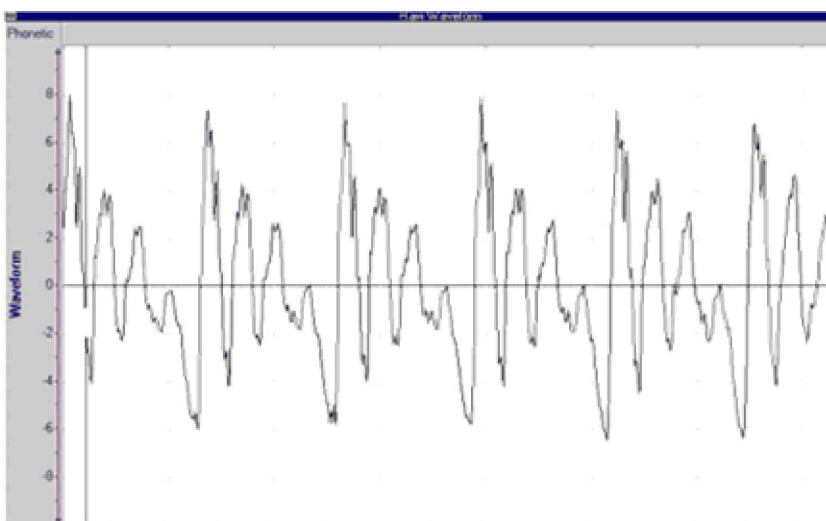
Chúng ta biết, mỗi tiếng động đều tạo nên chấn động trong không khí. Chấn động làm ra sóng. Sóng có thể được ghi lại dưới dạng một hàm số.

Ví dụ, cầm cuốn sách đập cái rầm lên mặt bàn, chúng ta có thể thu lại tiếng động ấy bằng nhu phẩm phân tích âm vừa kể. Tiếng động ấy được cất giữ dưới dạng một hàm số có đường biểu diễn đại để như sau:



Hình 1: Biểu đồ sóng mô tả tiếng đập rầm một cuốn sách lên mặt bàn. (Nguồn: A Field Manual of Acoustic Phonetics. Joan L.G. Baart (1999). SIL International)

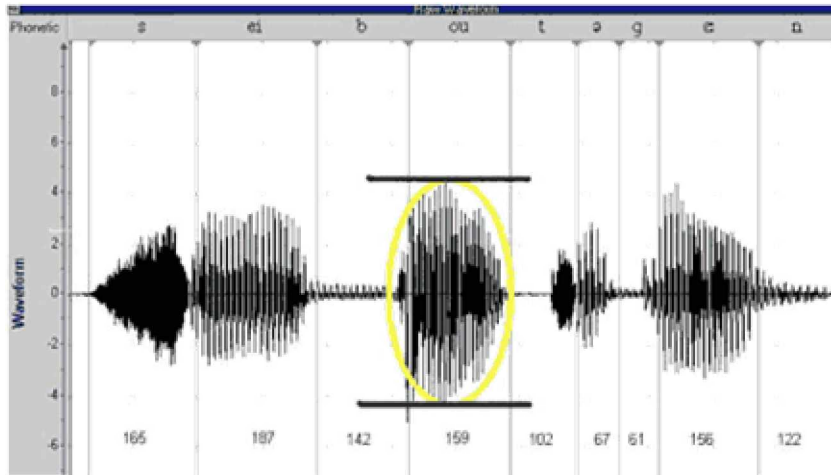
Tựa vậy, tiếng nói con người cũng tạo nên chấn động và có thể được ghi lại dưới dạng một hàm số tuần hoàn (sine/cosine).



Hình 2: Biểu đồ mô tả *hình sóng (waveform)* của âm [ou] trong "boat". (Nguồn: A Field Manual of Acoustic Phonetics. Joan L.G. Baart (1999). SIL International). Biểu đồ phóng đại chi tiết cho thấy hình sóng của âm [ou] bao gồm những đoạn sine/cosine nhỏ, đồng dạng lặp lại 5-6 lần

một cách tuần hoàn theo trục thời gian t nằm ngang.

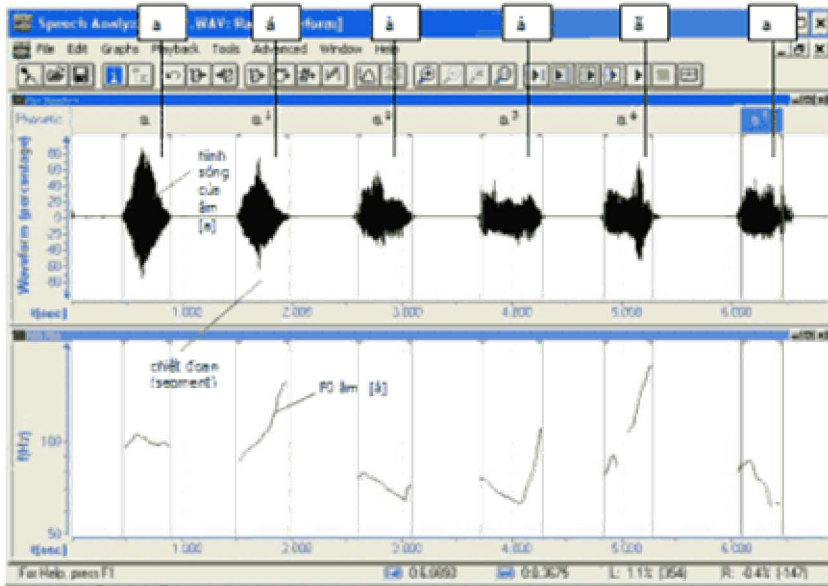
Thay vì nhìn chi tiết, chúng ta cũng có thể nhìn toàn cảnh một chuỗi tiếng, v.d. khi phát âm cả câu như "Say boat again":



Hình 3: Biểu đồ *hình sóng* (*waveform*) mô tả mọi âm tiết của câu "Say boat again". Chỗ khoanh tròn là âm [ou] của từ "boat". (Nguồn: *A Field Manual of Acoustic Phonetics*. Joan L.G. Baart (1999). SIL International). [ou] có biên độ cao nhất (được đánh dấu bằng hai gạch ngang); chỗ được nhấn mạnh (*stressed*), được coi là trọng âm trong toàn chuỗi âm.

Hình sóng không mô tả thanh điệu. Muốn khảo sát thanh điệu, giới ngôn ngữ học dùng *tần số cơ bản F0* (*fundamental frequency F0*).

Xem thử một ví dụ tiếng Việt với 6 thanh điệu. Đơn giản nhất là khảo sát một tiếng chỉ có một nguyên âm duy nhất, v.d. "a" với 6 thanh điệu: "a", "á", "à", "ả", "ã", "ạ".



Hình 4: Biểu đồ diễn tả 6 thanh điệu của nguyên âm "a".
(Người phát âm: tác giả, nam, giọng Bắc)

Hình 4 gồm có hai khung: khung trên biểu diễn hình sóng của âm tiết, khung dưới biểu diễn *tần số cơ bản F0*. Mỗi âm tiết "a", "á", "à", ... nằm gọn trong một *chiết đoạn (segment)* được giới hạn bằng hai gạch thẳng đứng.

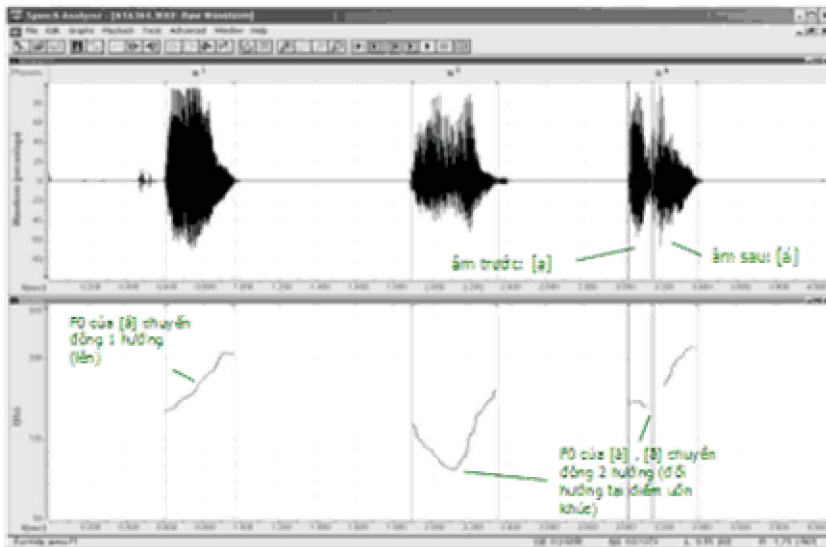
F0 là hàm biểu diễn thanh điệu và ở đây là của từng âm tiết: "a", "á", "à", "ả", "ã", "ạ".

Rất dễ nhận diện thanh điệu mỗi âm tiết qua khoảng tần số:

- [a]: 100 Hz. Đường biểu diễn F0 coi như nằm ngang biểu diễn thanh ngang.
- [a¹] (ký hiệu cho [á])^[5]: 100Hz → 130Hz. Đường biểu diễn F0 có huynh hướng vút lên cao, biểu diễn thanh sắc.
- [a²] (= [à]): khoảng 80Hz → 65Hz. Đường biểu diễn F0 có huynh hướng chúc xuống, biểu diễn thanh huyền. Tần số khởi đầu của [à] thấp hơn [a].
- [a³] (= [ả]): khoảng 65Hz → 105Hz. Đường biểu diễn F0 mới đầu chúc xuống, biểu diễn thanh huyền rồi vút lên cao, biểu diễn thanh sắc.
- [a⁴] (= [ã]): khoảng 80Hz → 140Hz. Đường biểu diễn F0, khởi đầu từ 80Hz đi lên, chúc xuống biểu diễn thanh nặng (huyền hoặc ngang), có thể bị ngắt đoạn rồi vút lên thật cao, biểu diễn thanh sắc.
- [a⁵] (= [ạ]): khoảng 90Hz → 60-Hz. Đường biểu diễn F0, khởi đầu từ 90Hz chúc xuống sâu, biểu diễn thanh nặng. Thời gian F0 thanh nặng có thể ngắn hơn thời gian F0 các thanh khác.

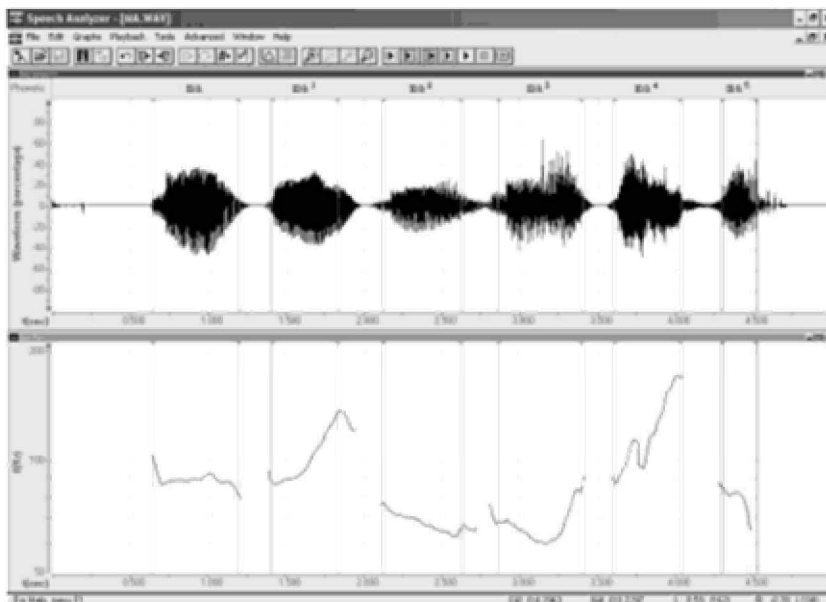
Có hai loại thanh điệu: một hướng (thanh ngang, sắc, hỏi, nặng) và hai hướng (hỏi, ngã). Ở loại thanh điệu một hướng, chuyển động F0 chỉ đi một chiều. Ở loại hai hướng, chuyển động F0 đi xuống, uốn khúc (có thể đứt đoạn) và đổi chiều đi lên. Thực ra ở loại hai hướng, ta có hai âm với hai thanh điệu chập lại một. V.d. âm tiết "ã" là sự cộng hưởng của hai âm [ạ] và [á]. Thay vì là [ạ], âm thứ nhất cũng có thể là

[a] hoặc [à], tùy theo người phát âm. Đôi khi có một ranh giới giữa âm trước và âm sau (xem hình 5a):



Hình 5a: Biểu đồ mô tả 3 âm tiết "á", "à", "ã" theo thứ tự từ trái sang phải. F0 thanh sắc của [á] chuyển động một chiều (lên). F0 thanh hỏi của [à] chuyển động hai chiều (xuống rồi lên). F0 thanh ngã của [ã] tựa vậy nhưng có thể đứt khúc ngay điểm uốn.

Tiếp tục thử nghiệm với trường hợp một âm tiết gồm đoạn phụ âm đầu + đoạn nguyên âm, v.d. "ma", "má", "mà", "mả", "mã", "mạ":

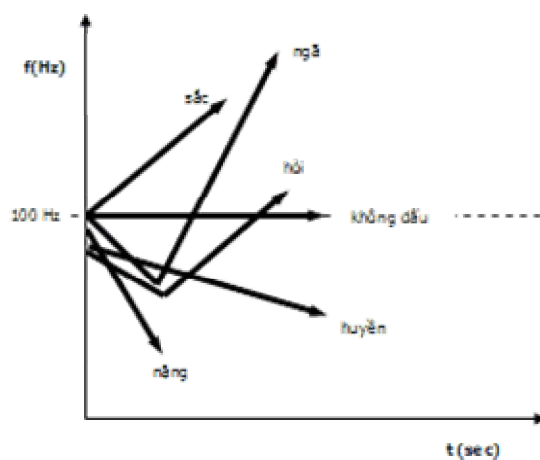


Hình 5: Biểu đồ mô tả 6 âm tiết "ma", "má", "mà", "mả", "mã", "mạ". Dạng F0 ở đây trông giống như trường hợp ở "a", "á", "à", "ả", "ã", "ạ" (hình 4). Trên thực tế, khu vực âm [m] cũng chứa thanh điệu dù rất ít.

Thử nghiệm với 2 trường hợp còn lại dưới đây, ta đều có hình dạng F0 tương tự.

- Âm tiết gồm đoạn nguyên âm + đoạn phụ âm cuối, v.d. "an", "án", "àn", "ản", "ãn", "ạn" (xin xem hình 7)
- Âm tiết gồm đoạn phụ âm đầu + đoạn nguyên âm + đoạn phụ âm cuối, v.d. "man", "mán", "màn", "mản", "mãn", "mạn" (xin xem chi tiết Dũng Vũ 2006).

Tóm lại, các chuyển động của đường biểu diễn F0 có thể được đơn giản hóa bằng những dạng sau:



Hình 6: Dạng F0 đơn giản diễn tả 6 thanh điệu trong tiếng Việt.

Nếu lấy chuyển động F0 nằm ngang cho trường hợp thanh ngang (không dấu), ta thấy:

- F0 của thanh huyền nằm bên dưới và chúc xuống.
- F0 của thanh nặng nằm bên dưới hoặc ngang với thanh ngang và chúc xuống sâu hơn.
- F0 của thanh hỏi nằm bên dưới, chúc xuống diễn tả thanh huyền rồi vút cao lên diễn tả thanh sắc.
- F0 của thanh ngã tương tự F0 của thanh hỏi, nhưng nằm cao hơn, cũng chúc xuống diễn tả thanh nặng (ngang hoặc huyền, tùy người phát âm) rồi vút lên thật cao diễn tả thanh sắc.
- F0 của thanh sắc chỉ vút lên cao. Tuy vậy, không thể kết luận, điểm kết thúc F0 của thanh sắc cao hơn điểm kết thúc F0 của thanh ngã. Thậm chí trong đa số trường hợp thử nghiệm, điểm kết thúc F0 của thanh sắc đều thấp hơn điểm kết thúc F0 của thanh ngã. Điều này ngược lại với nhận xét xưa nay: thanh sắc là thanh cao nhất.

Nói tóm lại, tần số cơ bản F0 là một yếu tố không thể thiếu trong việc khảo sát thanh điệu. Có thể xem thêm các khảo sát (ở mục tài liệu tham khảo) của W. Gu et. al về tiếng Quảng Đông, hoặc Do Tu Trong, T. Takara, Nguyen Hung Bach, Mai Chi Luong, H. Mixdorf về tiếng Việt, hoặc H. Fujisaki và K. Kirose về tiếng Nhật. Chỉ có cách giải thích thanh điệu của Đoàn Xuân Kiên là hoàn toàn khác hẳn; không thấy đề cập đến yếu tố F0^[6].

© 2006 talawas

^[1]Riêng về từ điển, có thể xem:

Huỳnh Tịnh Của (1895) *Đại Nam quốc âm tự vị*. Rey, Curisol & Cie: Saigon

Đào Duy Anh (1957) *Hán Việt từ điển*. Trường Thi: Sài Gòn

Nguyễn Lương Ngọc (1971) (chủ biên) *Từ điển học sinh*. Nxb Giáo Dục: Hà Nội. Điều này chứng tỏ cách đánh dấu thanh truyền thống cũng được dùng ở miền Bắc. Phiên bản được in lại lần thứ ba tại *sở giáo dục thành phố Hồ Chí Minh, 1997* cũng giữ nguyên cách đánh dấu thanh truyền thống.

^[2]Vũ Xuân Lương: "Quy tắc đặt dấu thanh trong tiếng Việt", Trung Tâm Từ Điển Học <http://vietlex.com/vietnamese/quytacbodau.html>,

Hoàng Phê chủ nhiệm trang Trung Tâm Từ Điển Học: <http://www.vietlex.com/>

^[3]Đoàn Xuân Kiên: "Bàn về chuyện 'đánh dấu thanh' trong tiếng Việt".

<http://www.talawas.org/talaDB/suche.php?res=94&rb=07>

^[4]SIL (Sommer Institute of Linguistics): Speech Analyzer. JAARS - CCS, Waxhaw, NC, © 1996-2001

^[5]Giới ngữ âm học thường dùng những con số 1, 2, 3, ... và ghi chú giống như cách biểu thị số lũy thừa để biểu diễn những thanh điệu sắc, huyền, hỏi, ngã, ... v.d. [a1] có nghĩa là [á], [a2] = [à], [a3] = [ả], v.v. Xin lưu ý: Thứ tự đánh số trong bài không nhất thiết phải giống như thứ tự đánh số thường thấy trong các thử nghiệm tiếng Mandarin. Chú ý của sự sắp xếp thanh điệu nằm cạnh nhau ở đây là để tiện so sánh chuyển động F0 của cặp thanh sắc và thanh huyền, độ uốn khúc F0 của cặp thanh hỏi và thanh ngã, và chuyển động F0 đi xuống của cặp thanh ngã và thanh nặng.

^[6]Đoàn Xuân Kiên: "Bàn về chuyện 'đánh dấu thanh' trong tiếng Việt". Bđd.

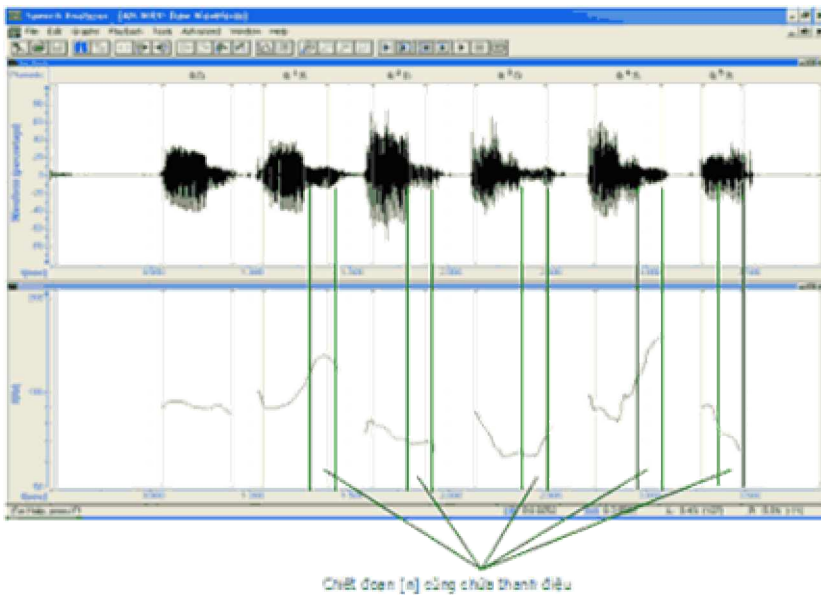
20.7.2006

Dũng Vũ

Vấn đề đánh dấu thanh tiếng Việt

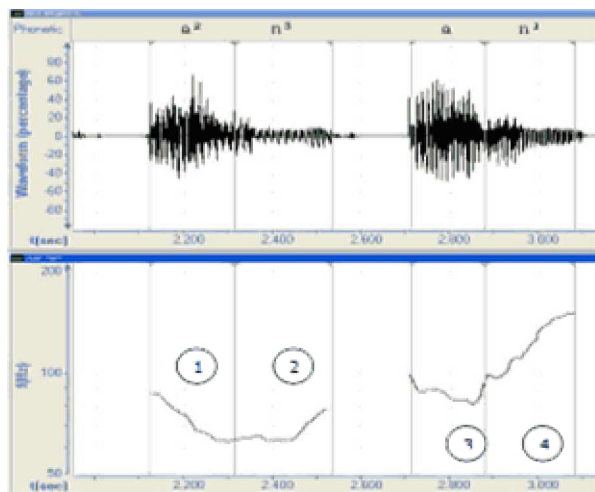
2

Trên lý thuyết, ta thường nghĩ nguyên âm mới chứa thanh điệu, thế nhưng trên thực tế, khi một tiếng được phát ra, thanh điệu có tính vang lan tỏa khắp âm tiết. Ở đoạn phụ âm đầu cũng nghe được thanh điệu dù rất ít (coi như không đáng kể). Thanh điệu nghe rõ dần ở khu vực vận mẫu và đạt mức hoàn chỉnh khi quá trình phát âm toàn khối âm tiết chấm dứt. Hiện tượng lan tỏa chứng minh tính phi tuyến tính của thanh điệu (tựa như sự lan tỏa của các âm tròn môi trong toàn khối âm tiết thường thấy). Không thể nói nguyên âm nào sản sinh nhiều thanh điệu nhất ngoài tính lan tỏa ấy. Mặt khác, thanh điệu không phải là son phấn mà là yếu tố nội tại của âm tiết. Nếu đơn giản hóa vấn đề bằng cách chỉ để ý đến phần vận mẫu, ta sẽ thấy, thanh điệu còn lệ thuộc vào đoạn nguyên âm cuối. Điều này cốt nghĩa, cả hai phần nguyên âm và phụ âm cuối hợp lại thành một đơn vị âm, cùng quyết định sắc thái thanh điệu. Chính vì vậy mà đối với một tiếng đơn lập như tiếng Việt, ta không thể đơn giản cắt âm tiết ra thành từng âm đoạn riêng lẻ như các ngôn ngữ Ấn-Âu.



Hình 7: Biểu đồ mô tả 6 âm tiết "an", "án", "àn", "ãn", "ãn", "ạ". Dạng F0 ở đây trông giống như F0 của "ma", "má", "mà", "mả", "mã", "mạ" (hình 5).

Mặc dầu lỗ tai bình thường không nghe được, nhưng trong khi phân tích âm, ít nhiều ta cũng nhận ra được khu vực [n] ^[1] với âm mũi chứa thanh điệu, chứ không riêng gì ở [a]. Thậm chí trong một số trường hợp, thanh điệu nghe được ở khu vực [n] còn rõ hơn ở [a], v.d. "án", "àn", "ãn". Xem thứ hai trường hợp: "ản", "ãn" dưới đây:



Hình 8: Biểu đồ diễn tả 2 âm tiết "ản", "ãn".

Chiết đoạn "ản" được chia thành 2 chiết đoạn nhỏ 1 và 2 (được đánh dấu bằng vòng tròn). Tựa vậy, chiết đoạn "ãn" cũng được chia thành 2 chiết đoạn nhỏ 3 và 4.

Vòng tròn 1 là chiết đoạn của nguyên âm "a". Nếu chỉ nghe chiết đoạn này thôi, ta sẽ nhận ra đây là âm [à], chứ không phải [a], được đánh dấu bằng [a²]. Để ý kỹ sẽ thấy đường biểu diễn F0 của chiết đoạn này chúc xuống, tần số khá thấp (trong khoảng 65-85Hz), na ná trường hợp [à] của hình 4. Đó là dạng đường biểu diễn F0 của thanh huyền.

Vòng tròn 2 là chiết đoạn của phụ âm "n". Nếu chỉ nghe chiết đoạn này thôi, ta sẽ nhận ra đây là âm mũi [n] chứa thanh hỏi, được đánh dấu bằng [n³]. Đường biểu diễn F0 hơi chúc xuống rồi vút lên diễn tả thanh hỏi.

Tuy nhiên, kết quả thực tế cho thấy, ta chỉ nghe được âm tiết "ản" (với thanh hỏi) một cách hoàn chỉnh nếu đừng tách nó ra làm hai chiết đoạn.

Vòng tròn 3 là chiết đoạn của nguyên âm "a". Nếu chỉ nghe chiết đoạn này thôi, ta sẽ nhận ra đây là âm có chút ít thanh huyền [à], chứ không phải [ã]. Đường biểu diễn F0 hơi chúc xuống nhưng tần số không thấp lắm (trong khoảng 80-100 Hz), gần như biểu diễn thanh huyền.

Vòng tròn 4 là chiết đoạn của phụ âm "n". Nếu chỉ nghe chiết đoạn này thôi, ta sẽ

nhận ra đây là âm mũi [n] chứa thanh sắc, được đánh dấu bằng [n¹]. Đường biểu diễn F0 vút lên cao.

Tuy nhiên, kết quả thực tế cũng cho thấy, ta chỉ nghe được âm tiết "ăn" (với thanh ngã) một cách hoàn chỉnh nếu đừng tách nó ra làm hai chiết đoạn.

Vậy, để diễn tả thanh điệu cho khá chính xác, đúng ra phải đánh dấu thanh lên toàn vận mẫu ("ăn"), chứ không riêng gì đoạn nguyên âm ("a"):

ăn

Thế nhưng không được, bởi dùng bàn phím (máy đánh chữ, máy tính), ta không thể bỏ một dấu "~" lên hai ký tự "a" và "n". Bởi điều kiện không cho phép, bắt buộc ta phải quy ước là bỏ dấu lên một ký tự nào đó mà hợp lý nhất là nguyên âm "a".

Thậm chí có trường hợp, thanh điệu nghe được khá hoàn chỉnh ở đoạn phụ âm cuối, chứ không phải ở đoạn nguyên âm. V.d. ở "ản", thanh hỏi nghe rõ nhất ở vùng [n], chứ không phải ở vùng [a] (xin xem hình 8). Vậy, hợp lý nhất là phải đánh dấu thanh hỏi lên "n" thay vì "a":

ản

Nếu đã cải cách, tại sao người cải cách không nghĩ luôn đến cách đánh dấu thanh như vậy? Hoặc:

ãñ

Mức độ nhận diện thanh còn tùy thuộc vào đoạn phụ âm cuối ngắn hay dài. Cùng phát âm hai âm tiết "án", "át"; "n" là phụ âm dài hơn "t", thanh sắc ở khu vực [t] nghe rõ hơn ở khu vực [a], trong khi đó thanh sắc của trường hợp "án" hầu như bao trùm cả âm tiết. Giống trường hợp "ản" "ãñ", lẽ ra ta phải ghi chú thanh điệu của "án", "át" như sau:

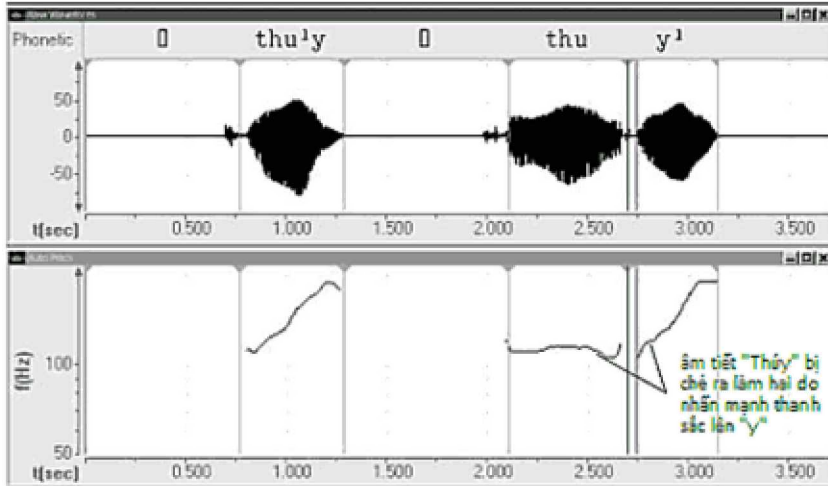
án at

Đó là những khám phá thú vị mà xưa nay chúng ta không biết.

Lý do chúng ta không biết thường là hoặc tin vào cảm xúc mà tưởng vậy, hoặc thiếu điều kiện khảo sát. Không nhận diện rõ dữ kiện thường dẫn đến nhận thức thiếu đúng đắn. Nhiều khi ngay đến một điểm cơ bản mà có người nghiên cứu cũng còn quên: *tiếng Việt là một ngôn ngữ đơn âm tiết*, chứ không phải đa âm tiết. Một ví dụ

chứng minh:

Mỗi âm tiết trong tiếng Việt là một tiếng duy nhất và không có cách gì nhấn mạnh thanh điệu lên tiếng nào khác ngoài nó, cho dù nó có chứa nhiều nguyên âm nằm sát nhau đi chăng nữa. Người Việt phát âm chữ "Thúy" một lèo thành một tiếng [thúy] duy nhất. Nếu nhấn mạnh thanh sắc (ˊ) tại [y], chuỗi âm sẽ bị kéo dài và rời rạc ngay. Làm như thế là chẻ tiếng [thúy] ra thành hai âm tiết [thu], [y], và vô tình biến "Thúy" thành một từ đa âm tiết. Xem hình 9 bên dưới.



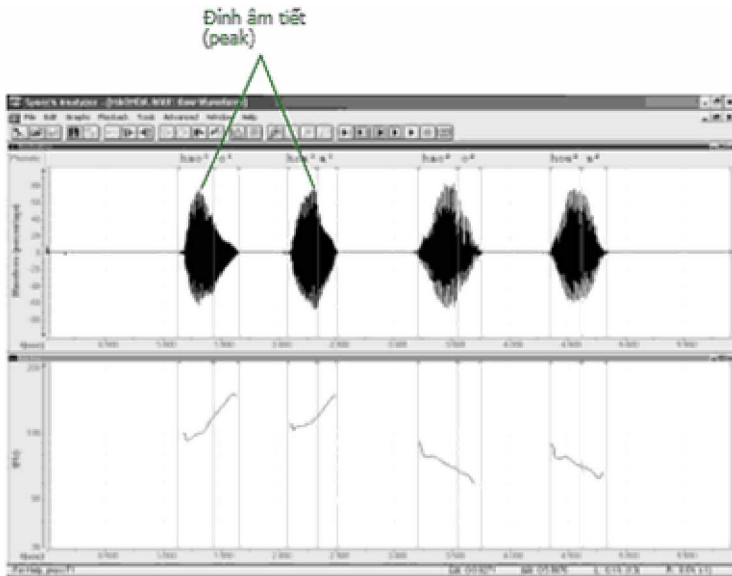
Hình 9: Biểu đồ mô tả 2 lối đọc "thúy" và "thuý". Toàn khối âm tiết "Thúy" ([thuˊy]) bên trái chứa thanh sắc rất rõ. Ở trường hợp sau ([thu yˊ]), cách phát âm nhấn mạnh thanh sắc vào "y" khiến "Thúy" bị chẻ ra thành hai âm tiết: "thu" ([thu]) không có thanh điệu, còn "y" ([yˊ]) thì chứa thanh sắc. Kết quả này hoàn toàn phi thực tế đối với tiếng Việt.

Thử nghĩ mai sau Việt Nam cũng có tham vọng ứng dụng trí thông minh nhân tạo (artificial intelligence) để chế tạo một cái máy hiểu tiếng Việt, thì các nhà khoa học sẽ gặp khó khăn thế nào? Phải cất vào băng dữ liệu của máy *âm mẫu* (sound pattern) nào, [thúy] hay [thu][y]? Chắc chắn người Việt không chấp nhận cách phát âm [thu][y]. Vậy, chỉ còn cách chọn [thúy] làm âm tiết chuẩn, và như thế là trái ý người đã đẻ ra lối đọc [thu][y].

Còn vô số trường hợp tương tự vậy.

Có ý kiến cho rằng, bởi "u" trong "Thúy" là bán nguyên âm, mà thanh điệu chỉ có giá trị cho nguyên âm, cho nên phải đánh dấu thanh lên "y" thì mới đúng.

Thiết nghĩ, đây lại là một nhận xét thuần cảm tính. Ta xem thử một trường hợp giống vậy bên dưới, ở đó "o" đóng vai trò bán nguyên âm của "hóa", "hòa":



Hình 10: Biểu đồ diễn tả 4 âm tiết theo thứ tự "háo", "hóa", "hào", "hòa".

Thanh sắc, huyền đều tận cùng với cường độ lớn nhất [2] vào lúc phát âm xong các âm cuối: "o", "a". Dạng chuyển động F0 của "háo", "hóa", "hào", "hòa" đều giống nhau, bất kể "o" đóng vai trò gì, nguyên âm hay bán nguyên âm. Cho nên đừng nghĩ, âm tiết nào chứa bán nguyên âm, thanh điệu sẽ không nằm ở đó mà ở nguyên âm để mà phải đánh dấu thanh nơi đó. Hình trên còn cho thấy đỉnh âm tiết nằm ở khu vực [a] trong âm tiết "háo"/"hào", và ở [o] trong âm tiết "hóa"/"hòa". Đỉnh âm tiết độc lập với tần số cơ bản F0.

Thế thì tại sao lại có đề nghị không đánh dấu thanh lên bán nguyên âm mà chỉ đánh lên nguyên âm như thể nơi có đỉnh âm đó chứa nhiều thanh điệu nhất? Có lẽ nguyên do xuất phát từ sự ngộ nhận của giới muốn cải cách; họ lẫn lộn *trọng âm (stress)* của ngôn ngữ đa âm tiết với *trọng âm* của ngôn ngữ đơn âm tiết.

Hiểu theo giới ngữ âm học Tây phương, trọng âm là một tiếng được nhấn mạnh so với những tiếng khác trong cùng một *chuỗi tiếng*. Ví dụ, "America" là một từ đa âm tiết, khi được phát âm, ta sẽ nghe được một chuỗi gồm 4 tiếng [ə], [me], [ri], [kə]. Trong chuỗi tiếng này, [me] là tiếng được nhấn mạnh, thường gọi là chỗ được nhấn giọng (accented), nơi có đỉnh âm cao nhất. Theo lối phiên âm ngữ âm (phonetic transcription), tiếng được nhấn mạnh sẽ được ghi chú bằng một dấu sắc (') ngay phía trước: /ə'merikə/.

Nếu tiếng Việt cũng là một ngôn ngữ đa âm tiết như tiếng Anh, thì trong nội bộ một từ đơn giả sử có chỗ cần nhấn giọng, nó cũng sẽ được ghi chú bằng một dấu sắc tựa vậy. Thế nhưng trường hợp này không xảy ra vì tiếng Việt là một ngôn ngữ đơn âm tiết. Mỗi chữ riêng lẻ của tiếng Việt ghi lại một âm tiết duy nhất không có trọng âm. Trọng âm chỉ nghe được trong một câu, ngữ đoạn, từ ghép, hay nói chung là ở một cấu trúc ngữ pháp chứa nhiều chữ. "Anh khỏe không" là một câu gồm 3 chữ "anh",

"khỏe", "không". V.d. "khỏe" là một tiếng có trọng âm; toàn khối âm [khỏe] sẽ được nhấn mạnh, chứ không riêng gì [e] để mà phải đánh dấu hỏi lên đó thành "khoẻ" ([kho][ẻ])^[3].

Ý tưởng tách âm tiết tiếng Việt có lẽ còn xuất phát từ một phương cách dạy người ngoại quốc đánh vần tiếng Việt. "Nguyễn" được phát âm chậm thành [Ngu][yễn]. Thanh ngã được nhấn mạnh ở đoạn "yễn". Hậu quả là người học cứ tưởng trọng âm nằm ngay đó, mặc dù một chữ đứng một mình của tiếng Việt không bao giờ có trọng âm. Đó là vấn đề. Ngoài ra còn có một điểm khác mà ít ai để ý là trọng âm còn là một yếu tố quyết định ngữ pháp tiếng Việt trong khi nói. Nó không được hiểu sai hoặc lạm dụng cho mục đích phát âm từng tiếng riêng lẻ. Từng tiếng riêng lẻ không phải là một cấu trúc ngữ pháp.

Đồng ý rằng, phương cách tách âm có thể giúp người ngoại quốc dễ phát âm một tiếng của tiếng Việt hơn, song nên nhớ, đó chỉ là một phương cách giảng dạy có tính thực dụng. Đã biết đọc chữ "Nguyễn", người ngoại quốc phải biết, người Việt sẽ phát âm một lèo thành [nguyễn] thay vì rời rạc như [ngu][yễn]; người Việt không nhấn mạnh thanh ngã (-) ở [yễn]. Nhấn mạnh như thế, âm tiết [nguyễn] sẽ bị chẻ làm hai âm tiết [ngu][yễn] (như đã chứng minh ở hình 9). Đó không phải là tiếng Việt.

Quy tắc đánh dấu thanh

Trên lý thuyết, để xác định cách đánh dấu thanh cho chính xác, có lẽ không có cách nào khác là phải khảo sát tất cả chữ tồn tại trong kho tàng từ vựng tiếng Việt theo cách thức vừa làm. Thế nhưng biện pháp này hoàn toàn không thực tế, cho nên ta chỉ có thể xem cách đánh dấu thanh như một quy ước, mà trước giờ là vậy: Mục đích đánh dấu thanh chỉ là cho biết một chữ có thanh điệu gì, ngoài ra không ghi chú thêm gì khác.

Tính cách của quy tắc đánh dấu thanh truyền thống là:

- Chỉ chú ý đến vận mẫu. Điều này hợp lý vì thanh điệu nghe rõ nhất ở khu vực này (kết quả thử nghiệm cũng chứng minh được điều ấy). Tuy nhiên dấu thanh chỉ được đặt lên nguyên âm để biểu thị thanh điệu cho toàn vận mẫu cũng như âm tiết.
- Không kể trường hợp nguyên âm chứa dấu mũ, dấu ngoặc như Ắ, Ằ, Ê, Ô, Ơ, Ỡ, dấu thanh có khuynh hướng được đặt lên một nguyên âm sao cho đoạn nguyên âm + đoạn phụ âm cuối được cân xứng (một cách tương đối): "oại", "oáy", "oáo", "oẻ", "oàn", "oạt", "oạch", ... Nếu chỉ có hai nguyên âm và không có đoạn phụ âm cuối, dấu thanh sẽ được đặt lên nguyên âm thứ nhất để biểu thị thanh điệu cho cả hai (vì không thể đánh dấu chính giữa hai mẫu tự). V.d.: "óa", "áo", "ủy", "ẻ", "ẻ", ...

Vài trường hợp đặc biệt:

- "qu" giữ chức năng phụ âm, nên "u" ở đây không được kể là một nguyên âm.
- "gi" giữ chức năng phụ âm, nếu có một nguyên âm theo sau, còn không, "i" đóng vai nguyên âm và có thể mang dấu thanh (như "gì", "gì", "gìn").

Quy tắc truyền thống

Cách đánh dấu thanh truyền thống chỉ gồm 2 quy tắc. Cách sử dụng rất đơn giản: trước nhất xem quy tắc 1 có dùng được không, nếu không thì dùng quy tắc 2.

Quy tắc 1: Gặp một chữ có 1 nguyên âm chứa dấu mũ, dấu ngoặc như Ǻ, Ǻ, Ê, Ô, Ơ, Ỡ, thì đánh dấu lên đó. V.d.: "Tuấn", "tập", "viết". Nếu có hai (như Ỡ), thì đánh dấu lên nguyên âm sau (Ơ). V.d.: "đường", "được".

Quy tắc 2: Gặp một chữ có phụ âm cuối, thì đánh dấu lên nguyên âm chót. V.d.: "hoàng", "hoạt", "toán", "coóng". Nếu không có thì đánh dấu lên nguyên âm áp chót. V.d.: "họa", "hòe", "hủy". (Dĩ nhiên gặp một chữ chỉ có một nguyên âm thì chỉ còn cách là đánh dấu lên nguyên âm đó thôi. V.d.: "gọn", "quá").

Quy tắc cải cách của Vũ Xuân Lương, Hoàng Phê

Vũ Xuân Lương, Hoàng Phê liệt kê ra 5 quy tắc (trích nguyên văn từ [2]):

Quy tắc 1: Với những âm tiết chỉ có một con chữ nguyên âm, *thì dấu thanh được đặt vào con chữ nguyên âm đó*. V.d.:

á à, ì ạch, ọ ẹ, ủ rữ, ọp ẹp, ục ịch, hà, lán, giá, giục, quả, quỹ, quyết... (trường hợp *gi* và *qu*: *Tổ hợp con chữ phụ âm* là những tổ hợp hai hoặc ba con chữ phụ âm, dùng để viết một phụ âm: *ch, gh, kh, ng, ngh, nh, ph, th, tr, gi, qu.*)

Quy tắc 2: Với những âm tiết, mà trong âm tiết đó chỉ cần có một con chữ nguyên âm mang dấu phụ (Ǻ, Ǻ, Ê, Ô, Ơ, Ỡ) và không kể kết thúc bằng con chữ gì, *thì dấu thanh bao giờ cũng đặt ở con chữ đó* (riêng Ỡ, dấu đặt ở Ơ). V.d:

ế ẩm, ô ề, ở rể, ú ừ, chiêm chiêm, cuội, cừu, duệ, duềnh, giội, giường, ngoàng, quyết, ruồng, rọu, siết, suyền, tuấn tiết, tiến triển...

Quy tắc 3: Với những âm tiết có hai con chữ nguyên âm và kết thúc bằng một con chữ phụ âm hoặc tổ hợp con chữ phụ âm, *thì dấu thanh được đặt vào con chữ nguyên âm chót*. V.d:

choàng, hoạch, loét, quẹt, suýt, thoát, xoèn xoẹt...

Quy tắc 4: Với những âm tiết kết thúc bằng oa, oe, uy, *dấu thanh được đặt vào con chữ nguyên âm chót*. V.d:

hoạ, hoè, huỷ, loà xoà, loé, suý, thuỷ...

Quy tắc 5: Với những âm tiết kết thúc bằng hai hay ba con chữ nguyên âm khác với oa, oe, uy, *thì dấu thanh được đặt vào con chữ nguyên âm áp chót*. V.d:

bài, bảy, chĩa, chịu, của, đào hào, giúi, hoại, mía, ngoáy, ngoáo, quạu, quẹo, ngoéo, chịu, chĩa...

Quy tắc cải cách Đoàn Xuân Kiên

Đoàn Xuân Kiên viết (trích nguyên văn từ [3]):

Tóm lại, dấu thanh tiếng Việt có nguyên tắc viết rất nhất quán khi viết ra bằng chữ Quốc ngữ, và có thể tóm tắt như sau:

(1) Dấu thanh đặt trên thành phần âm chính của âm tiết khi viết;

(2) Thành phần âm chính của âm tiết có thể là:

- một nguyên âm đơn: dấu thanh đặt trên nguyên âm;
- một nguyên âm kép: dấu thanh đặt trên nguyên âm thứ nhì"

Tác giả giải thích thêm:

"Trong kết cấu âm tiết kiểu âm chính + /u/, /o/, /i/, /y/ này, thành phần âm chính có thể gồm một nguyên âm đơn hay một nguyên âm kép. Kết hợp sẽ như sau:

- một nguyên âm + /u/, /o/, /i/, /y/: màu, sáo, nhài, **lúi**, vấy...
- một nguyên âm kép + /u/, /o/, /i/, /y/: khuỷu, ngoéo, muối, nguấy...

Nhận xét về các quy tắc cải cách trên

Quy tắc cải cách của Vũ Xuân Lương, Hoàng Phê

Thật ra quy tắc cải cách của Vũ Xuân Lương, Hoàng Phê là sự mở rộng quy tắc truyền thống, cụ thể là phải để ý đến các trường hợp "oa", "oe", "uy".

Vũ Xuân Lương nhận xét:

"cho đến nay, chỉ tồn tại sự không nhất trí với các tổ hợp *oa, oe, ua, ue, uy*. Chẳng hạn viết HOẠ, HÒE, HỦY, QUẢ, QUÈ, QUÝ, hay HOẠ, HOÈ, HUỖ, QUẢ, QUÈ, QUÝ?", từ đó đưa ra quy tắc: "Với những âm tiết kết thúc bằng *oa, oe, uy*, *dấu thanh được đặt vào con chữ nguyên âm chót*. V.d: hoạ, hòe, huỷ, loà xoà, loé, suý, thuý..."

Tác giả giải thích:

" ...

- Trong tiếng Việt, các con chữ O và U được dùng không phải chỉ để viết các nguyên âm *o* và *u*, mà còn để viết một bán nguyên âm (còn gọi là bán phụ âm) *w* trong một số trường hợp nhất định như: *oa* (*wa*), *oe* (*we*), *uy* (*wi*), *qua* (*kwa*), *que* (*kwe*), *quy* (*kwi*) (*c, q, k* phiên âm quốc tế đều là /*k*/), v.v... Có nghĩa là âm *w* trong các tổ hợp nói trên thật ra không thuộc thành phần nguyên âm của âm tiết, nguyên âm ở đây là *a, e, i* (viết bằng Y).
- Theo quy tắc 1, dấu thanh đánh trên con chữ viết nguyên âm; vậy viết HOẠ, HOÈ, HUỖ, QUẢ, QUÈ, QUÝ là hợp quy tắc (giống như viết HẠ, HÈ, KỶ, CẢ, KÈ), nên coi đó là chuẩn, thống nhất với các trường hợp tương tự khác như NGOAN NGOÃN, KHOÁNG ĐẠT, NGÚNG NGUẤY... (không ai viết NGOAN NGÕAN, KHÓANG ĐẠT, NGÚNG NGỦÃY...). Việc bỏ dấu thanh trên O và U trong những tổ hợp này là kết quả của một sự nhầm lẫn, cho rằng O và U ở đây viết các nguyên âm *o* và *u*.

Chúng ta biết, cách phát âm của 2 trường hợp "quả" và "của" khác nhau. Xét về mặt âm vị học (cổ điển) Tây phương, "q" giống "c", cũng có cùng âm vị /*k*/, chỉ khác ở chỗ là "q" không thể đứng một mình để giữ chức năng như một phụ âm mà phải kết hợp với "u". Đối với hầu hết ngôn ngữ lấy mẫu tự La tinh làm chữ viết, "qu" mới được xem là yếu tố phụ âm. Từ khi chữ viết tiếng Việt được La tinh hóa, nó cũng chấp nhận trường hợp ngoại lệ này.

Do thấy cách đọc "hóa" cùng vần với "quá", giới cải cách cho rằng dấu sắc cũng phải được dời về "a" cho thống nhất với trường hợp "quá", thành ra "hoá". Đối với trường hợp gần như cùng vần với "quá", "hoá" như "đá", "há", ... , dấu thanh cũng được đánh lên "a". Người ta nghĩ vậy là thống nhất. Ngoài ra, càng hợp lý nữa khi những trường hợp như "hoá" được gắn thêm phụ âm ở đằng sau, v.d. "n", dấu thanh vẫn nằm trên "a": "hoán", "toán", v.v. Vậy là hoàn hảo.

Từ sự quan sát về tính đồng vận mẫu/gần như đồng vận mẫu (tức cùng vần/gần như đồng vần) như trên, người ta tìm cách giải thích bằng cách lập luận, "u" theo sau "q" là bán nguyên âm, chứ không phải nguyên âm, và tựa vậy, "o", "u" cũng không

phải là nguyên âm như đã nhầm lẫn mà là bán nguyên âm. Nếu vậy, có nghĩa "u" là bán nguyên âm theo sau các trường hợp phụ âm như "b", "c", "ch", "d", "đ", "g", "gi", "h", "kh", "l", "m", "ng", "nh", "n", "ph", "r", "s", "th", "t", "tr", "v", "x" ngoại trừ "k", "p", "gh", "ngh". "O" cũng giống vậy ngoại trừ "c".

Sự cải cách của Vũ Xuân Lương, Hoàng Phê tưởng chừng không nhiều và vô hại nhưng trên thực tế đã vô tình làm vấn đề nở rộng và trở nên phức tạp.

Nếu đưa yếu tố bán phụ âm vào mà giải thích cấu trúc âm tiết tiếng Việt, ta sẽ có thêm 43 trường hợp:

- 21 trường hợp phụ âm ngoại lệ khác chứa "o": "bo", "cho", "do", "đo", "go", "gio", "ho", "kho", "lo", "mo", "ngo", "nho", "no", "pho", "ro", "so", "tho", "to", "tro", "vo", "xo".
- 22 trường hợp phụ âm ngoại lệ khác chứa "u": "bu", "cu", "chu", "du", "đu", "gu", "giu", "hu", "khu", "lu", "mu", "ngu", "nhu", "nu", "phu", "ru", "su", "thu", "tu", "tru", "vu", "xu".

Xưa nay người Việt chỉ cần nhớ "qu" và "gi" là hai trường hợp phụ âm ngoại lệ duy nhất có chứa mẫu tự nguyên âm, nay phải nhớ thêm 43 trường hợp nữa.

Sự lý luận đã làm vấn đề trở nên phức tạp, thế nhưng không nguy hiểm, bởi đó không phải là ý tưởng cải cách mà chỉ là sự giải thích cái ý tưởng ấy dựa trên yếu tố *bán phụ âm*. Cái nguy hiểm nằm ở ý tưởng cải cách: thống nhất cách đánh dấu thanh do thấy âm tiết **được đọc** cùng vần/gân như cùng vần (tức có cấu trúc *đồng vận mẫu/gân như đồng vận mẫu*). Chẳng hạn, "quá"/"há" (gần như) cùng vần với "hoá"; dấu sắc được đánh lên "a". "Què"/"hè" (gần như) cùng vần với "hoè"; dấu sắc được đánh trên "e". "Quý"/"tí" gần như cùng vần với "Thủy"; dấu sắc được đánh trên "y", "i". V.v.

Thế nhưng, liệu sự thống nhất hóa của Vũ Xuân Lương và Hoàng Phê có hoàn hảo không? Có thể trả lời ngay là không. Thử xem một phân tích dưới đây.

Tương tự "quá", "há", "hoá", "què", "hè", "hoè", "quý", "tí", "Thủy", hai chữ "múi", "muối" cũng thuộc loại *đồng vận mẫu/gân như đồng vận mẫu*. Xưa nay, dấu sắc của "múi" được đánh lên "u", còn của "muối" được đánh lên "ô". Nay nếu theo ý tưởng cải cách trên, dấu sắc của "muối" cũng phải được đánh lên "u" cho thống nhất, thành ra "múi". Theo quy tắc 1, những nguyên âm chứa dấu mũ, dấu ngoặc như Ắ, Ằ, Ẻ, Ỗ, Ớ, Ứ sẽ được ưu tiên đánh dấu thanh. Quy tắc này tuyệt đối ổn định và vẫn còn giá trị. Thế nhưng sự thống nhất hóa cách đánh dấu thanh những âm tiết *đồng vận mẫu/gân như đồng vận mẫu* sẽ làm quy tắc 1 bị tổn thương nặng nề. Tương tự "múi - muối", các ví dụ khác như "cửa - thuở", "chín - chiến", "im - yêm", "lịm - tiêm", "núi - kiếu", "tít - tiết", "tụt - tuột" cũng sẽ được thống nhất hóa cách đánh dấu thanh, thành "cửa - thuở", "chín - chiến", "im - yêm", "lịm - tiêm", "núi - kiêu", "tít - tiét", "tụt - tụt".

Trong kho tàng từ vựng tiếng Việt còn vô số trường hợp này.

Nói tóm lại, với ý tưởng thống nhất cách đánh dấu thanh những âm tiết *đồng vận mẫu/gân như đồng vận mẫu*, chỉ cần quy tắc 1 bị tổn thương cũng đủ làm cả hệ thống quy ước đánh dấu thanh tiếng Việt bị xáo trộn hoàn toàn.

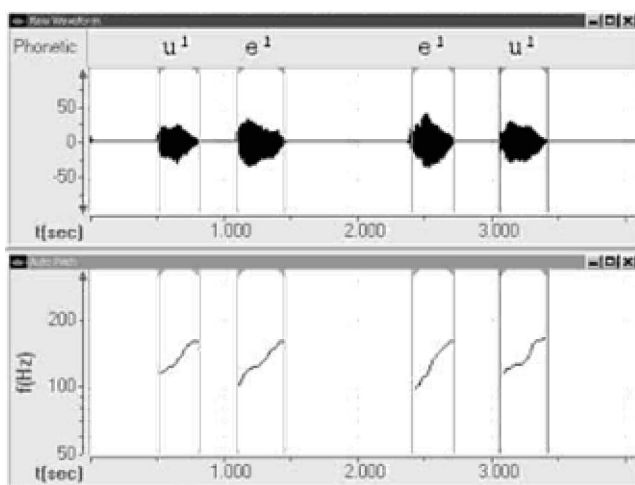
Quy tắc cải cách của Đoàn Xuân Kiên

Ý tưởng cải cách của Đoàn Xuân Kiên cũng giống như của Vũ Xuân Lương và Hoàng Phê là xác định nguyên âm đáng được đánh dấu nhất, tác giả gọi là thành phần âm chính. Điểm khác biệt là trong khi Vũ Xuân Lương và Hoàng Phê chỉ giới hạn trong vài ba trường hợp "oa", "oe", "uy", thì *thành phần âm chính* của Đoàn Xuân Kiên bao gồm rất nhiều trường hợp (xin xem giải thích của tác giả bên trên cũng như chi tiết trong [3]). Đoàn Xuân Kiên đã có những cố gắng tích cực trong việc dùng ngữ âm học để phân tích vấn đề và nhận định kết quả. Tuy vậy, có những điểm cần được thảo luận.

Trong khi khảo sát, Đoàn Xuân Kiên nhận định:

"Thanh có tính vang phụ thuộc vào tính cách của các nguyên âm trong âm tiết. Cùng ở bậc thanh cao nhất (thanh sắc), nhưng thanh sắc của nguyên âm /u/ khác với thanh sắc trong nguyên âm /ê/."

Thật ra thanh sắc không hẳn là thanh cao nhất. Các thử nghiệm của ngữ âm học thanh học đã chứng minh, thanh ngã cũng có thể là thanh có điểm tận cùng F0 cao nhất (xin xem hình 4, 5, 7). Cả nhận định "thanh sắc của nguyên âm /u/ khác với thanh sắc trong nguyên âm /ê/" cũng không rõ ràng. Không hiểu ý tác giả muốn nói về sự khác biệt nào. Kết quả khảo sát cho thấy không có sự khác biệt về thanh sắc giữa hai trường hợp. Xem hình 11 bên dưới:



Hình 11: Biểu đồ diễn tả F0 (thanh sắc) của 4 âm tiết theo thứ tự "ú", "ê", "ê", "ú" đều giống

nhau.

Theo Đoàn Xuân Kiên, vấn đề đánh dấu thanh nguyên âm kép là trường hợp đáng bàn. Tác giả giải thích:

"Các nguyên âm kép trượt tăng dần của tiếng Việt đều có tính cách chung là âm tiết mang chúng có hai đỉnh, trong đó đỉnh thứ nhì [ở chỗ nguyên âm thứ nhì] cao



Hình 3: nguyên âm kép tiếng Việt có hai đỉnh cao về âm lượng (Phạm et al. 1998)

hơn và là đỉnh cao của âm tiết (Hình 3). Nguyên âm thứ nhì này sẽ là yếu tố cảm nhiễm thanh mạnh hơn (DV nhấn mạnh) trong bộ phận âm chính của âm tiết. Ví dụ, đồ vị thanh được ghi trên các đồ vị ghi âm vị mạnh của âm tiết: tuý lúy, kìà, huê, quế, hòe, quẽ, khoẻ, ngoẻo, quỏ, muá, quấn, khoá, thũa... [] ... ta biết rằng trong nguyên âm kép tiếng Việt, yếu tố nguyên âm thứ nhì luôn luôn mạnh hơn, làm thành đỉnh cao của âm tiết. Điều này dẫn đến quy tắc viết dấu thanh tiếng Việt, trong các tiếng có nguyên âm kép, như sau: dấu thanh luôn luôn đặt trên các nguyên âm đứng sau. Không có ngoại lệ." [4]

Nhận xét nguyên âm có đỉnh cao nhất, cụ thể là nguyên âm thứ nhì, là yếu tố cảm nhiễm thanh mạnh hơn (DV nhấn mạnh) của Đoàn Xuân Kiên thực ra không đúng. Nói về đỉnh âm (peak) nghĩa là nói về cường độ phát âm (loudness) trong hình sóng (waveform). Thanh điệu được biểu diễn bằng F0 độc lập với đỉnh âm. Theo kết quả thử nghiệm, ở vị trí những nguyên âm càng nằm phía sau, thanh điệu càng hoàn chỉnh. Điều này có thể thấy qua đường biểu diễn F0 dần dần kết thúc theo thời gian phát âm một âm tiết. Có lẽ do ngộ nhận đỉnh âm tiết (peak của hình sóng) với thanh độ (pitch của F0), Đoàn Xuân Kiên nghĩ, thanh điệu hiện rõ nhất tại đỉnh âm tiết, cho nên phải đánh dấu thanh lên đó, cụ thể là nguyên âm thứ nhì như tác giả đề nghị (tuý lúy, kìà, huê, quế, hòe, quẽ, khoẻ, ngoẻo, quỏ, muá, quấn, khoá, thũa...). Nếu xem lại hình 8, ta sẽ thấy "ăn" chứa nguyên âm "a", nơi có đỉnh âm tiết, nhưng thanh ngã hiện đều suốt thời gian phát âm "a" và "n", thậm chí ở trường hợp "ăn", thanh hỏi xuất hiện rõ ở âm mũi [n]. Hoặc xem hình 10, ta sẽ thấy đỉnh âm tiết xuất hiện ở nguyên âm thứ nhất, tức "o" (trong "hóa", "hòa"), chứ không phải ở "a". Vậy, theo cách của Đoàn Xuân Kiên, dấu thanh phải được đánh lên "o", tức nguyên âm thứ nhất. Nhưng điều này sẽ mâu thuẫn với ý tác giả, bởi ở các trường hợp tương tự mà tác giả lấy làm ví dụ (tuý lúy, kìà, huê, quế, hòe, quẽ, khoẻ, ngoẻo, quỏ, muá, quấn, khoá, thũa...), dấu thanh được đánh lên nguyên âm thứ nhì.

Nhận xét chung, đề nghị cải cách của Đoàn Xuân Kiên còn rộng hơn của Vũ Xuân Lương và Hoàng Phê. Không những quy tắc 1 bị triệt tiêu hoàn toàn mà hầu hết mọi quy tắc truyền thống khác cũng không còn giá trị.

Lời cuối

Như đã biết, khi một tiếng được phát ra, trong nhiều trường hợp, ở đoạn phụ âm đầu cũng nghe được thanh điệu mặc dù rất ít (coi như không đáng kể). Thanh điệu hiện rõ và hoàn chỉnh dần theo thời gian phát âm vận mẫu (đoạn nguyên âm + đoạn phụ âm cuối).

Nếu chỉ lấy đoạn nguyên âm làm nơi ghi chú thanh điệu, thì chọn nguyên âm cuối là hợp lý nhất. Như vậy chỉ cần một quy tắc đánh dấu thanh duy nhất. Quy tắc cải cách này triệt để, đơn giản và dễ nhớ nhất.

Quy tắc cải cách của Đoàn Xuân Kiên đòi hỏi phải biết xác định "âm chính". Quy tắc cải cách của Vũ Xuân Lương, Hoàng Phê đơn giản hơn nhưng vẫn bắt buộc người học nhớ thêm quy tắc cho các trường hợp "oa", "oe", "uy". Tuy nhiên, điều đáng lo ngại nhất vẫn là sự cải cách có thể làm xáo trộn nghiêm trọng hệ thống quy ước đánh dấu thanh tiếng Việt. Cả quy tắc đơn giản nhất vừa nêu (tức đánh dấu thanh lên nguyên âm cuối) tưởng chừng tối ưu, cũng có một tác dụng nguy hiểm tựa vậy. Tất cả chỉ đem lại những hậu quả xấu khó lường, chưa kể điều bất lợi. Một ví dụ, nếu trong tương lai, các nhà khoa học Việt Nam cũng muốn chế tạo một cái máy rà văn bản (text scanner) để rà một cuốn sách thay vì phải gõ lại bằng tay để cất giữ nó dưới dạng điện tử, họ sẽ gặp vấn đề gì? Ở các xứ tiên tiến, người ta chỉ cần một chiếc máy đủ khả năng nhận mặt chữ và ghi vào máy tính, trong khi đó, các nhà khoa học Việt Nam còn cần thêm nhiều công sức, thời gian để điều chỉnh lại cách đánh dấu chỉ vì nó đã được cải cách. Có biết bao sách vở, báo chí, tài liệu, từ điển đã dùng quy tắc truyền thống vốn đã nhất quán và ổn định tuyệt đối?

Nói tóm lại, quy tắc cải cách không có lợi hơn quy tắc truyền thống như đã chứng minh.

Cải cách hay không cải cách, mọi quy tắc đánh dấu thanh tiếng Việt không thể thoát khỏi sự quy ước. Mà đã là quy ước thì nên đơn giản, dễ nhớ chừng nào hay chừng nấy; đặc biệt là không được sản sinh thêm vấn đề. Như vậy mới có lợi thực tế cho người sử dụng, và mặt khác mới thỏa tính tối ưu hóa mà mọi người làm khoa học đều phải hướng tới.

Stuttgart, 06.2006

Tài liệu tham khảo

Baart, Joan L.G. (1999) *A field Manual of Acoustic Phonetics*. Leiden: SIL International.

- Cao Xuân Hạo (1998) *Tiếng Việt - mấy vấn đề ngữ âm, ngữ pháp, ngữ nghĩa*. TP.HCM: Nxb. Giáo Dục.
- Deutsch, D. & Hentorn, T. (2004) *Absolute Pitch, Speech and Tone Language: Some Experiments and a Proposed Framework*. California: University of California Press.
- Do Tu Trong & Takara, T. (2004) *Vietnamese Tones Generation Using F0 and Power Patterns*. Nara Japan: Proc. Speech Prosody 2004.
- Dũng Vũ** (2006) *Một khảo sát về thanh điệu tiếng Việt*. Stuttgart: (tài liệu riêng).
- Fujisaki, H (2004) *Information, prosody and modeling - with emphasis on tonal feature of speech*. Nara Japan: Proc. Speech Prosody 2004.
- Hoàng Phê (2005): *Từ điển tiếng Việt*. Nxb Đà Nẵng: Đà Nẵng
- Kirose, K. & Fujisaki, H (2004) *Information, prosody and modeling - with emphasis on tonal feature of speech*. Nara Japan: Proc. Speech Prosody 2004.
- Gu, W. et al. (2005) *Analysis of fundamental frequency contours of Cantonese based on a command-response model*. Pittsburgh: 5th ISCA Speech Synthesis Workshop.
- Mixdorf, H. & Nguyen Hung Bach & Mai Chi Luong & Fujisaki, H (2003) *Quantitative Analysis and Synthesis of Syllabic Tones in Vietnamese*. Geneva: Eurospeech 2003.
- Werner, S. & Keller, E (1994) *Prosodic aspects of speech*. In E.Keller (ed.), *Fundamentals of Speech Synthesis and Speech Recognition*. Chichester: John Wiley.
- © 2006 talawas

^[1]Trong mọi phân tích thực tế, ranh giới chiết đoạn chỉ có tính tương đối, thành thử một chiết đoạn chỉ nên coi là "khu vực" hay "vùng". Thực ra đối với ngôn ngữ đơn lập như tiếng Việt, việc phân đoạn âm trong âm tiết không hợp lý, bởi vì một âm vị hình như có giá trị như một tiếng (âm tiết) hoàn hảo, chứ không hẳn một âm tố như các ngôn ngữ đa âm tiết Ấn-Âu. Chỉ có một tiếng (gồm âm và thanh điệu) mới nghe rõ. Thao tác chia âm tiết thành chiết đoạn chỉ nhằm mục đích thí nghiệm, ở đó, mỗi âm tố có thể được phát âm chậm và có thể nhận diện được, nhưng chỉ gần đúng mà thôi. Trên thực tế, trong nhiều trường hợp, nét khu biệt của một âm tố tỏa khắp âm tiết, ví dụ âm tròn môi (như "o", "ô"), do đó sự xác định nét khu biệt của từng âm tố trong một chiết đoạn cứng nhắc không còn chính xác.

^[2]Điểm kết thúc của F0 khi một âm tiết đã được phát âm trọn vẹn.

^[3]Tiếng được nhấn mạnh là tiếng có đỉnh âm cao nhất trong chuỗi tiếng. Nó cũng có thể là tiếng được kéo dài và do đó sẽ nghe được nhiều thanh điệu nằm nhiều trong vùng ấy.

^[4]Không rõ kết quả thử nghiệm trong hình được Đoàn Xuân Kiên trích dẫn dựa vào nhu phẩm nào.

Nguồn :www.talawas.org

